Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-05-22 12:57:30 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 840/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 69/TTr-BKHCN ngày 25 tháng 4 năm 2016 về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045 (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển công nghiệp công nghệ số là phát triển một ngành kinh tế - kỹ thuật, ngành công nghiệp nền tảng, giữ vai trò động lực then chốt để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tạo nền móng vững chắc cho chuyển đổi số quốc gia; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số; đóng vai trò quyết định trong việc hiện thực hóa khát vọng đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045.

2. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm, xác định khu vực kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất để phát triển công nghiệp công nghệ số, trong đó, chú trọng

huy động các doanh nghiệp lớn, đặc biệt là các tập đoàn tư nhân lớn chuyển dịch, đầu tư, phát triển ngành công nghiệp công nghệ số. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, xây dựng hành lang pháp lý, quy hoạch hạ tầng công nghiệp công nghệ số và tạo lập thị trường thông qua việc định hướng, đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

3. Phát triển công nghiệp công nghệ số với tinh thần "Make in Viet Nam" - sáng tạo tại Việt Nam, làm ra tại Việt Nam để dẫn dắt; doanh nghiệp Việt Nam làm chủ công nghệ, chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu, thiết kế, sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, làm chủ thị trường trong nước và nâng cao năng lực cạnh tranh, dẫn dắt để vươn ra toàn cầu. Kết hợp hài hòa giữa tự chủ công nghệ với hợp tác quốc tế sâu rộng; chủ động tham gia và tiến tới dẫn dắt ở một số khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút, trọng dụng nhân tài là yếu tố then chốt, đột phá bảo đảm đồng bộ với phát triển hệ sinh thái ngành, gắn kết chặt chẽ theo mô hình "Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp" trong đào tạo và sử dụng nhân lực công nghiệp công nghệ số.

5. Phát triển công nghiệp công nghệ số phải gắn liền với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; chú trọng hỗ trợ nghiên cứu, cải tiến và chuyển đổi hoạt động sản xuất để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thân thiện với môi trường.

6. Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực và cân đối ngân sách nhà nước hằng năm để hỗ trợ, tài trợ kinh phí cho Chương trình. Phát huy sự chủ động, năng động của địa phương trong việc bố trí, huy động các nguồn lực và kiến tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư trong nước và quốc tế cho phát triển công nghiệp công nghệ số, ưu tiên hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sáng tạo, chip bán dẫn, sản phẩm công nghệ số trọng điểm trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao, với các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn của quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số. Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, đưa Việt Nam trở thành một trong các trung

tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Nâng cao vị thế và thương hiệu "Make in Viet Nam" trong khu vực và quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Doanh thu ngành công nghiệp công nghệ số đạt tối thiểu 300 tỷ USD; tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành trong giai đoạn 2026 - 2030 đạt mức từ 12% trở lên; doanh thu xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ công nghệ số của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đạt tối thiểu 55 tỷ USD/năm, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt tối thiểu 30%/năm.

b) Phấn đấu đạt 100.000 doanh nghiệp công nghệ số; trong đó tối thiểu có 05 doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam ngang tầm các nước tiên tiến.

c) Đào tạo và phát triển đội ngũ trên 03 triệu nhân lực công nghiệp công nghệ số; bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa nhân lực nghiên cứu, phát triển, kỹ sư thực hành và công nhân kỹ thuật; hình thành đội ngũ, mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước về công nghệ số, đủ năng lực dẫn dắt, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm, bài toán lớn của quốc gia.

d) Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có khả năng làm chủ công nghệ để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; phấn đấu mỗi địa phương thực hiện tối thiểu 01 hoạt động cấp phép và triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số phù hợp điều kiện thực tiễn phát triển công nghiệp công nghệ số nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hoàn thiện khung pháp lý về công nghiệp công nghệ số.

đ) Hình thành 16 - 20 khu công nghệ số tập trung, trong đó tối thiểu có 01 khu công nghệ số tập trung quy mô lớn, phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển của vùng kinh tế trọng điểm; hình thành ít nhất 01 Trung tâm tính toán hiệu năng cao dùng chung để giải quyết nhiệm vụ, bài toán lớn, hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; phát triển mạng lưới các trung tâm, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia phục vụ sản xuất, thiết kế và đo kiểm chip bán dẫn; thiết bị mạng 5G/6G và các thế hệ tiếp theo, sản phẩm công nghệ số đạt chuẩn quốc tế.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Việt Nam trở thành quốc gia có ngành công nghiệp công nghệ số phát triển, là trung tâm công nghiệp công nghệ số hàng đầu khu vực và vươn lên nhóm dẫn đầu thế giới; công nghiệp công nghệ số trở thành ngành kinh tế chủ đạo, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và thịnh vượng quốc gia.

Phát triển đội ngũ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh toàn cầu, làm chủ công nghệ lõi, dẫn dắt xu hướng phát triển và khẳng định vị thế, thương hiệu "Make in Viet Nam" trong chuỗi giá trị toàn cầu; bảo đảm tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển, hình thành tối thiểu 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến và thu hút thêm ít nhất 05 dự án mới của các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số

a) Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá thực tiễn và đề xuất định hướng xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; thường xuyên rà soát, đánh giá tác động và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan để tháo gỡ các điểm nghẽn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với pháp luật về công nghiệp công nghệ số.

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

c) Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật về công nghiệp công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tham gia xây dựng, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế nhằm thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số ra thị trường toàn cầu.

2. Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

a) Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thông qua thực hiện: nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt.

b) Triển khai các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn theo quy định pháp luật.

c) Hỗ trợ triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số tạo môi trường pháp lý thuận lợi để doanh nghiệp công nghệ số mạnh dạn đổi mới sáng tạo, đưa sản phẩm, dịch vụ ra thị trường.

d) Hỗ trợ, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm: tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với hoạt động sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm theo quy định của pháp luật; rà soát, cập nhật Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm phù hợp với

điều kiện thực tiễn; ưu tiên sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, kinh phí từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, địa phương để đặt hàng, giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất hoặc mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, tạo thị trường ban đầu cho doanh nghiệp công nghệ số.

3. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số

a) Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số:

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số áp dụng các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến theo chuẩn quốc tế để nâng cao uy tín sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam"; thúc đẩy hợp tác hình thành hệ sinh thái sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số.

- Hỗ trợ mua bán và sáp nhập (M&A): hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện mua lại, sáp nhập doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật nhằm tiếp nhận, làm chủ, khai thác hiệu quả công nghệ số lõi, công nghệ chiến lược và mở rộng thị trường phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra thị trường quốc tế; trong đó tập trung vào việc xây dựng thương hiệu quốc gia, hỗ trợ thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp công nghệ số tại các thị trường trọng điểm.

b) Hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số:

- Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thông qua các hoạt động: đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số; nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm; tư vấn khởi nghiệp; mua công nghệ và đổi mới công nghệ.

- Hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nhỏ và vừa thực hiện các hoạt động: nhận chuyển giao công nghệ mới; thuê mua các giải pháp, phần mềm chuyển đổi

số; thuê chuyên gia tư vấn kỹ thuật để cải tiến quy trình sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp lớn thông qua các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng cho các dự án ứng dụng, đổi mới công nghệ từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

d) Phát triển lực lượng doanh nghiệp công nghệ số chủ lực: thúc đẩy việc hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng; triển khai cơ chế đặt hàng và giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam ngang tầm các nước tiên tiến tham gia giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn của quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.

4. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số

a) Hỗ trợ, bố trí kinh phí triển khai chính sách hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số trong các cơ sở giáo dục, trong đó ưu tiên: đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm, công cụ, phần mềm dạy và học phục vụ đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số; hỗ trợ hoạt động nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ số của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng.

b) Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghiệp công nghệ số trong các cơ quan nhà nước: tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ thu nhập tăng thêm đối với người làm công tác chuyên trách về công nghiệp công nghệ số theo vị trí việc làm.

c) Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số trong doanh nghiệp: tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn ngắn hạn, chuyên sâu về kỹ năng số, quản trị công nghệ, chuyển đổi số dành cho nhân sự của doanh nghiệp công nghệ số; tổ chức triển khai các chương trình đào tạo lại (Reskill) và đào tạo nâng cao (Upskill) để chuyển đổi nguồn nhân lực các ngành khác sang ngành công nghệ số và chuyển đổi giữa các lĩnh vực thuộc công nghệ số.

d) Trọng dụng, thu hút nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao và nhân tài công nghệ số thông qua: hỗ trợ kinh phí để thực hiện thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số thông qua các chế độ đãi ngộ đặc biệt về thu nhập, thuế và điều kiện làm việc; hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia, nhà khoa học, tổng công trình sư, nhân tài trong và ngoài

nước để dẫn dắt các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về công nghiệp công nghệ số.

đ) Tập trung nguồn lực triển khai hiệu quả Chương trình "Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050".

5. Phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số hiện đại, đồng bộ

a) Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và hiện đại hóa các phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung quốc gia về công nghệ số, các cơ sở đo kiểm, thử nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm công nghệ số (đặc biệt là thiết bị 5G/6G, thiết bị IoT, chip bán dẫn) đạt chuẩn quốc tế.

b) Hỗ trợ xây dựng và vận hành Trung tâm tính toán hiệu năng cao dùng chung để giải quyết nhiệm vụ, bài toán lớn, hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

c) Tập trung nguồn lực hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung; ưu tiên xây dựng tối thiểu 01 khu công nghệ số tập trung quy mô lớn, hiện đại, đóng vai trò dẫn dắt và phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển từng vùng kinh tế trọng điểm; hỗ trợ kinh phí duy trì, vận hành các không gian làm việc chung, trung tâm ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo nằm trong khu công nghệ số tập trung để phục vụ doanh nghiệp khởi nghiệp.

d) Hỗ trợ kinh phí mua sắm bản quyền các phần mềm, nền tảng số, công cụ chuyên dụng dùng chung để hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ với chi phí thấp.

đ) Phát triển hạ tầng số, trong đó tập trung nguồn lực phát triển mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số; xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G; triển khai và đưa vào hoạt động thêm tối thiểu 06 tuyến cáp quang biển mới, nâng tổng dung lượng thiết kế cáp quang trên biển đạt tối thiểu 350 Tbps; tận dụng cơ sở hạ tầng mạng di động 5G và thế hệ tiếp theo cho các giải pháp IoT, khai thác sức mạnh của điện toán đám mây, và tích hợp các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

6. Thúc đẩy, xúc tiến đầu tư cho hoạt động công nghiệp công nghệ số

a) Triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư quốc gia, hoạt động xúc tiến đầu tư của các bộ, cơ quan ở trung ương, hoạt động xúc tiến đầu tư của địa phương về lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

b) Tổ chức các hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài: tổ chức các đoàn công tác cấp cao tại các địa bàn trọng điểm để tiếp cận, vận động các tập đoàn công nghệ đa quốc gia đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử

sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo có quy mô đầu tư lớn.

c) Hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn: hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới.

7. Phát triển thị trường và chuỗi cung ứng công nghiệp công nghệ số

a) Thúc đẩy sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam": hỗ trợ kinh phí thông qua phiếu hỗ trợ tài chính hoặc hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã tư vấn, đánh giá và thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số, tạo thị trường đầu ra cho doanh nghiệp công nghệ số.

b) Kết nối cung cầu và kích cầu tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số: tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; tổ chức các hội chợ, triển lãm công nghệ số, phiên chợ công nghệ số, tuần lễ chuyển đổi số vùng, miền để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu, giao dịch sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; nghiên cứu xây dựng nền tảng số kết nối cung cầu phục vụ thuê, mua sắm, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam".

c) Tổ chức thường niên Diễn đàn quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam và Giải thưởng "Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam" để tôn vinh, quảng bá các sản phẩm xuất sắc, tạo uy tín và niềm tin cho người tiêu dùng trong nước.

d) Hỗ trợ đưa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số vươn ra thị trường toàn cầu: tổ chức các đoàn doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số tham gia các triển lãm công nghệ uy tín thế giới (CES, MWC...); tổ chức các chương trình giới thiệu, quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam" tại các thị trường trọng điểm nhằm tìm kiếm đối tác, đơn hàng xuất khẩu.

đ) Phát triển chuỗi cung ứng: hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực quản trị sản xuất để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với vai trò là nhà cung ứng trực tiếp (cấp 1), gián tiếp (cấp 2) cho các hãng công nghệ lớn; xây dựng, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu, kênh thông tin kết nối và tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng; thu hút đầu tư phát triển các trung tâm logistics chuyên dụng, kho ngoại quan hiện đại tại các khu công nghệ số tập trung.

e) Phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghiệp công nghệ số: hỗ trợ các hoạt động, các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện việc chuyển giao công nghệ, mua quyền sử dụng sáng chế, thiết kế kỹ thuật và sản xuất thử nghiệm cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghiệp công nghệ số, trong đó chú trọng vật liệu bán dẫn, linh kiện điện tử, khuôn mẫu kỹ thuật chính xác.

8. Phát triển bền vững công nghiệp công nghệ số

a) Triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số xây dựng và áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn: tái sử dụng, tái sản xuất, tân trang, sửa chữa thiết bị và chia sẻ hạ tầng, nguồn lực dùng chung nhằm hình thành chu trình khép kín trong công nghiệp công nghệ số, giúp tiết kiệm tài nguyên và giảm ô nhiễm.

b) Đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nghiên cứu quy trình, công nghệ thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ trong công nghiệp công nghệ số.

c) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, cải tiến, chuyển đổi hoạt động công nghiệp công nghệ số để tạo ra sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường thông qua nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

9. Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số

a) Hình thành, duy trì, vận hành và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số; dịch vụ hạ tầng kỹ thuật để lưu trữ, xử lý dữ liệu tập trung và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác quản lý nhà nước.

b) Hình thành, duy trì, quản lý, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số: chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu chuyên ngành bảo đảm có các trường thông tin theo quy định pháp luật về công nghiệp công nghệ số; thu thập, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và từ các cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước.

c) Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ, liên thông và khai thác cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số với các cơ sở dữ liệu quốc gia (về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, thuế, tài chính, hải quan...) và các bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và quản lý nhà nước; tổ chức triển khai cung cấp thông tin, sản phẩm, dịch vụ gia tăng từ dữ liệu công nghiệp công nghệ số cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu khai thác theo quy định.

10. Hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn

a) Triển khai hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp thiết kế chip thực hiện: nhiệm vụ, hoạt đông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về lĩnh vực công nghiệp bán dẫn; mua sắm máy móc, thiết bị, phần mềm thiết kế EDA, chia sẻ thư viện phần mềm thiết kế chip IP; đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm (Tape-out) theo quy định của pháp luật.

b) Phát triển chuỗi cung ứng và sản xuất thiết bị điện tử nhằm tạo thị trường cho công nghiệp bán dẫn: hỗ trợ sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ đối với các nhiệm vụ, hoạt động sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và nhiệm vụ, hoạt động sản xuất thiết bị điện tử thông qua các nhiệm vụ, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Phát triển và vận hành Trung tâm quốc gia hỗ trợ sản xuất thử chip bán dẫn để hỗ trợ sản xuất thử nghiệm và đo kiểm chip bán dẫn thông qua hoạt động: hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thiết kế chip bán dẫn thông qua việc cung cấp các phần mềm công cụ thiết kế EDA, thư viện phần mềm thiết kế chip IP theo phương thức dùng chung; hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm (Tape-out) tại các nhà máy cho các thiết kế chip bán dẫn của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước; và thực hiện đo kiểm, đánh giá chất lượng, độ tin cậy của chip (Post-silicon validation) tại Trung tâm hoặc các phòng thí nghiệm đạt chuẩn.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các quy định pháp luật có liên quan; trong đó, ưu tiên sử dụng các Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Nguồn vốn vay, đóng góp, tài trợ, đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi thực hiện Chương trình bao gồm:

a) Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại mục III Điều 1 và Phụ lục của Quyết định này.

b) Các hoạt động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện quản lý, điều phối, tổng hợp, đánh giá, báo cáo, sơ kết, tổng kết và tổ chức triển khai Chương trình.

c) Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Chương trình bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Làm đầu mối tổ chức thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình; đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết tình hình, kết quả thực hiện Chương trình; trường hợp cần thiết, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn về quản lý, tổ chức thực hiện và các nội dung có liên quan để bảo đảm Chương trình được triển khai đồng bộ, thống nhất, đúng quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại mục III Điều 1 của Quyết định này.

c) Chủ trì tổng hợp kinh phí ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và kinh phí từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định pháp luật để thực hiện Chương trình, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình các cấp có thẩm quyền, xem xét quyết định.

d) Chịu trách nhiệm theo quy định về nội dung báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 69/TTr-BKHCN ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Chủ trì cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế; Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật để thực hiện Chương trình.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai Chương trình "Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050" quy định tại Khoản 4 Mục III Điều 1; chỉ đạo, phát triển Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) phát huy vai trò hạt nhân trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, triển khai các hoạt động ươm tạo công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp và thu hút FDI chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu và phát triển đặt tại Việt Nam.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình này với các chiến lược, đề án, chương trình về giáo dục đào tạo.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao và các nhiệm vụ cụ thể tại Mục III Điều 1 và Phụ lục kèm theo Quyết định này để chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch của bộ, ngành mình để triển khai Chương trình; ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Căn cứ vào các nhiệm vụ tại Chương trình và điều kiện thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch của địa phương mình để triển khai Chương trình; nghiên cứu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách và ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan trong việc quản lý, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, dự án công nghiệp công nghệ số trên địa bàn.

6. Các Hội, Hiệp hội và doanh nghiệp công nghệ số

a) Các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp: tuyên truyền, phổ biến Chương trình; chủ động đề xuất sáng kiến, phản biện chính sách; hỗ trợ hội viên kết nối thị trường, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

b) Các doanh nghiệp công nghệ số: chủ động nắm bắt cơ hội, đổi mới sáng tạo, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; tích cực tham gia các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ của Nhà nước và tuân thủ các quy định pháp luật; ưu tiên bố trí kinh phí từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn huy động khác cho phát triển công nghiệp công nghệ số.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

(Kèm theo Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
I	**Tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số**				
1.	Nghiên cứu, rà soát chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số và các pháp luật khác có liên quan.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tư pháp; Các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là: các bộ, ngành, địa phương)	2026 - 2030	- Tổ chức các hoạt động kiểm tra tình hình thực thi chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số. - Tháng 12/2028: Báo cáo rà soát chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số và các chính sách, pháp luật khác có liên quan.
2.	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	2026 - 2030	Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được tổ chức.
3.	Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật về công nghiệp công nghệ số.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	2026 - 2027	Tháng 12/2027: Báo cáo đề xuất định hướng xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
4.	Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tham gia xây dựng, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế nhằm thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số ra thị trường toàn cầu.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	2026 - 2030	Các hoạt động hỗ trợ được thực hiện.
II	**Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số**				
5.	Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thông qua thực hiện: nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính	2026 - 2030	Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được nghiệm thu.
6.	Hỗ trợ triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số tạo môi trường pháp lý thuận lợi để doanh nghiệp công nghệ số mạnh dạn đổi mới sáng tạo, đưa sản phẩm, dịch vụ ra thị trường.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	- Năm 2026: hỗ trợ ít nhất một địa phương thực hiện cấp phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng công nghệ số. - Năm 2027 - 2030: hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương có năng lực và nhu cầu triển khai cấp phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng công nghệ số. - Tháng 12/2030: Báo cáo đánh giá hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
					ứng dụng công nghệ số và đề xuất kiến nghị.
7.	Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất hoặc mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, tạo thị trường ban đầu cho doanh nghiệp công nghệ số sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, kinh phí từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, địa phương.	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tài chính	2026 - 2030	Các bộ, ngành, địa phương thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất hoặc mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.
III	**Phát triển doanh nghiệp công nghệ số**				
8.	Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực sản xuất, quản trị và chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số áp dụng các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến theo chuẩn quốc tế để nâng cao uy tín sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam".	Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Các hoạt động hỗ trợ được triển khai, các doanh nghiệp được áp dụng quy trình quản lý chất lượng thông qua chương trình, dự án, nhiệm vụ.
9.	Hỗ trợ mua bán và sáp nhập (M&A): hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số Việt Nam, đặc biệt	Cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh	Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương	2026 - 2030	Các hoạt động mua bán và sáp nhập được triển khai.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
	là doanh nghiệp nhà nước, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện mua lại, sáp nhập doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật nhằm tiếp nhận, làm chủ, khai thác hiệu quả công nghệ số lõi, công nghệ chiến lược và mở rộng thị trường phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số.	nghiệp nhà nước			
10.	Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra thị trường quốc tế.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công Thương; Bộ Ngoại giao; các địa phương	2026 - 2030	Các hoạt động hỗ trợ được triển khai hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra.
11.	Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thông qua các hoạt động: đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số; nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm; tư vấn khởi nghiệp; mua công nghệ và đổi mới công nghệ.	Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương	Bộ Tài chính	2026 - 2030	Các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số được các địa phương và Chương trình này hỗ trợ.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
12.	Hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.	Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Các hoạt động hỗ trợ được triển khai.
13.	Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nhỏ và vừa thực hiện: nhận chuyển giao công nghệ mới; thuê mua các giải pháp, phần mềm chuyển đổi số; thuê chuyên gia tư vấn kỹ thuật để cải tiến quy trình sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp lớn thông qua các hoạt động, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương	Các hiệp hội nghề nghiệp	2026 - 2030	Doanh nghiệp công nghệ số nhỏ và vừa được hỗ trợ kinh phí thông qua các hoạt động, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện nhận chuyển giao công nghệ mới; thuê mua các giải pháp, phần mềm chuyển đổi số; thuê chuyên gia tư vấn kỹ thuật.
14.	Thúc đẩy việc hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; các địa phương	2026 - 2030	Các hoạt động hỗ trợ được triển khai để hình thành một số doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước.
15.	Triển khai cơ chế đặt hàng và giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam ngang tầm các nước tiên tiến tham gia giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn của quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	Các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết các bài toán lớn, bài toán trọng điểm của quốc gia, các bộ, ngành, địa phương.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
	tạo, chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.				
IV	**Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số**				
16.	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm, công cụ, phần mềm dạy và học phục vụ đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương	2026 - 2030	Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm, công cụ, phần mềm dạy và học được đầu tư để phục vụ đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số.
17.	Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ số của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương	2026 - 2030	Các nhiệm vụ nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ số của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh, học viên cao học, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng được hỗ trợ triển khai.
18.	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	2026 - 2030	Đội ngũ cán bộ chuyên trách, cán bộ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ.
19.	Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập tăng thêm đối với người làm công tác chuyên trách về công nghiệp công nghệ số theo vị trí việc làm.	Bộ Nội vụ	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành và địa phương	2028	Tháng 12/2028: có cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập tăng thêm đối với người làm công tác chuyên trách về công nghiệp công nghệ số theo vị trí việc làm.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
20.	Tập trung nguồn lực triển khai hiệu quả Chương trình "Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050".	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; các trường đại học công nghệ	2026 - 2030	Các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình được triển khai hiệu quả, đạt các mục tiêu đề ra.
V	**Phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số hiện đại, đồng bộ**				
21.	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và hiện đại hóa các phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung quốc gia về công nghệ số, các cơ sở đo kiểm, thử nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm công nghệ số (đặc biệt là thiết bị 5G/6G, thiết bị IoT, chip bán dẫn) đạt chuẩn quốc tế.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương; các cơ sở giáo dục đại học; tổ chức khoa học và công nghệ; doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2029	Các phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung quốc gia về công nghệ số, các cơ sở đo kiểm, thử nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm công nghệ số được đầu tư để đạt chuẩn quốc tế.
22.	Hỗ trợ xây dựng và vận hành Trung tâm tính toán hiệu năng cao dùng chung để giải quyết nhiệm vụ, bài toán lớn, hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.	Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; Thành phố Hồ Chí Minh; Thành phố Đà Nẵng; một số địa phương khác có nhu	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công an; các bộ, ngành; các doanh nghiệp công nghệ số	2029	Trung tâm tính toán hiệu năng cao dùng chung được hình thành và đưa vào vận hành tại một số địa phương.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
		cầu và năng lực			
23.	Tập trung nguồn lực hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung; ưu tiên xây dựng tối thiểu 01 khu công nghệ số tập trung quy mô lớn, hiện đại, đóng vai trò dẫn dắt và phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển từng vùng kinh tế trọng điểm; hỗ trợ kinh phí duy trì, vận hành các không gian làm việc chung, trung tâm ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo nằm trong khu công nghệ số tập trung để phục vụ doanh nghiệp khởi nghiệp.	Các địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	Hình thành tối thiểu 01 khu công nghệ số tập trung quy mô lớn có vai trò dẫn dắt tại vùng kinh tế trọng điểm; các không gian làm việc chung, trung tâm ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo được duy trì, vận hành hiệu quả, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và phát triển hệ sinh thái công nghệ số.
VI	**Thúc đẩy, xúc tiến đầu tư cho hoạt động công nghiệp công nghệ số**				
24.	Triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư quốc gia, hoạt động xúc tiến đầu tư của các bộ, cơ quan ở trung ương, hoạt động xúc tiến đầu tư của địa phương về lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành và địa phương	Các hội, hiệp hội; các doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030	Hoạt động xúc tiến đầu tư được triển khai.
25.	Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài: tổ chức các đoàn công tác cấp cao tại các địa bàn trọng điểm để tiếp cận, vận động các tập đoàn công nghệ đa quốc gia đầu tư các dự án sản	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao; Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương; các hội, hiệp	2026 - 2030	Hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được đẩy mạnh; hằng năm tổ chức tối

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
	xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo có quy mô đầu tư lớn.		hội; các doanh nghiệp công nghệ số		thiểu 01 đoàn công tác cấp cao tại thị trường trọng điểm.
VII	**Phát triển thị trường và chuỗi cung ứng công nghiệp công nghệ số**				
26.	Thúc đẩy sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam": hỗ trợ kinh phí thông qua phiếu hỗ trợ tài chính hoặc hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã tư vấn, đánh giá và thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số, tạo thị trường đầu ra cho doanh nghiệp công nghệ số.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương	2026 - 2030	Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam" triển khai rộng rãi phục vụ chuyển đổi số quốc gia.
27.	Kết nối cung cầu và kích cầu tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ; các hội, hiệp hội; các doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030	Các hội chợ, triển lãm công nghệ số vùng, miền; các phiên chợ công nghệ, tuần lễ chuyển đổi số tại các địa phương được tổ chức để kết nối trực tiếp cung - cầu giữa doanh nghiệp công nghệ số với chính quyền, doanh nghiệp và người sử dụng.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
28.	Nghiên cứu xây dựng nền tảng số kết nối cung cầu phục vụ thuê, mua sắm, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam".	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương; các doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2027	Tháng 12/2027: Báo cáo đề xuất nền tảng số kết nối cung cầu phục vụ thuê, mua sắm, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam".
29.	Tổ chức thường niên Diễn đàn quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam và Giải thưởng "Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam" để tôn vinh, quảng bá các sản phẩm xuất sắc, thương hiệu quốc gia, tạo uy tín và niềm tin cho người tiêu dùng trong nước.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan thông tấn, báo chí; hội, hiệp hội ngành nghề	Thường niên	Diễn đàn Make in Viet Nam và Giải thưởng "Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam" được tổ chức thường niên.
30.	Tổ chức các đoàn doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số tham gia các triển lãm công nghệ uy tín thế giới; tổ chức các chương trình giới thiệu, quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam" tại các thị trường trọng điểm nhằm tìm kiếm đối tác, đơn hàng xuất khẩu.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao; các bộ, ngành và địa phương; hội, hiệp hội ngành nghề; doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030	Các đoàn, chương trình, hoạt động hỗ trợ được triển khai; hằng năm tổ chức tối thiểu 01 đoàn doanh nghiệp tham gia triển lãm công nghệ lớn (CES, MWC ...).
31.	Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực quản trị sản xuất để	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương; doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030	Các chương trình đánh giá, tư vấn cải tiến quy trình và kết nối cung cầu phối hợp với các tập đoàn đa quốc gia được tổ chức.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
	tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với vai trò là nhà cung ứng trực tiếp (cấp 1), gián tiếp (cấp 2) cho các hãng công nghệ lớn.				
32.	Xây dựng, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu, kênh thông tin kết nối và tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và địa phương; doanh nghiệp công nghệ số	2026-2030	Cơ sở dữ liệu, kênh thông tin kết nối được xây dựng; tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng.
33.	Thu hút đầu tư phát triển các trung tâm logistics chuyên dụng, kho ngoại quan hiện đại tại các khu công nghệ số tập trung.	Các địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành và địa phương	2026 - 2030	Các trung tâm logistics chuyên dụng, kho ngoại quan hiện đại tại các khu công nghệ số tập trung được đầu tư.
34.	Hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện việc chuyển giao công nghệ, mua quyền sử dụng sáng chế, thiết kế kỹ thuật và sản xuất thử nghiệm cho các nhiệm vụ phát triển, sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghiệp công nghệ số, trong đó chú trọng vật liệu bán dẫn, linh kiện điện tử, khuôn mẫu kỹ thuật chính xác.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương; doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030	Các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để phát triển, sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghiệp công nghệ số được hỗ trợ triển khai.
VIII	**Phát triển bền vững công nghiệp công nghệ số**				
35.	Triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số xây dựng và	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Doanh	2026 - 2030	Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
	áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn: tái sử dụng, tái sản xuất, tân trang, sửa chữa thiết bị và chia sẻ hạ tầng, nguồn lực dùng chung nhằm hình thành chu trình khép kín trong công nghiệp công nghệ số, giúp tiết kiệm tài nguyên và giảm ô nhiễm.		nghiệp công nghệ số		xây dựng và áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn được triển khai.
36.	Đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nghiên cứu quy trình, công nghệ thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ trong công nghiệp công nghệ số.	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các cơ sở nghiên cứu; tổ chức, doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030	Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đặt hàng để triển khai.
37.	Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, cải tiến, chuyển đổi hoạt động công nghiệp công nghệ số để tạo ra sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường thông qua nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ; các cơ sở nghiên cứu; tổ chức, doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030	Hỗ trợ kinh phí cho một số doanh nghiệp công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo về chuyển đổi xanh.
IX	**Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số**				
38.	Hình thành, duy trì, vận hành và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số; dịch vụ hạ tầng kỹ thuật để lưu trữ, xử lý dữ liệu tập trung và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ,	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an; các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	- Năm 2026: Hệ thống thông tin được đưa vào hoạt động. - Năm 2027 - 2030: Hệ thống được vận hành, hoạt động ổn định, an toàn, thông suốt để

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
	ngành, địa phương phục vụ công tác quản lý nhà nước.				đảm bảo phục vụ công tác quản lý nhà nước.
39.	Hình thành, duy trì, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số: chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu chuyên ngành bảo đảm có các trường thông tin theo quy định pháp luật về công nghiệp công nghệ số; thu thập, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và từ các cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân các tỉnh	2026 - 2030	- Năm 2027: chuẩn hóa được cấu trúc dữ liệu chuyên ngành, thu thập thông tin từ nhiều nguồn và hình thành được cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số. - Năm 2027 - 2030: duy trì, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số.
40.	Triển khai kết nối, chia sẻ và liên thông cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số với các cơ sở dữ liệu quốc gia (về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, thuế, tài chính, hải quan...) và cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và quản lý nhà nước; tổ chức khai thác, cung cấp thông tin, sản phẩm, dịch vụ gia tăng từ dữ liệu công nghiệp công nghệ số cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu khai thác theo quy định.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân các tỉnh	2026 - 2030	Cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số được kết nối liên thông, chia sẻ và tổ chức khai thác.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
X	**Hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn**				
41.	Triển khai hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp thiết kế chip thực hiện: nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về lĩnh vực công nghiệp bán dẫn; mua sắm máy móc, thiết bị, phần mềm thiết kế EDA, chia sẻ thư viện phần mềm thiết kế chip IP; đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm (Tape-out) theo quy định của pháp luật.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; các bộ, ngành và địa phương	2026 - 2030	Các tổ chức, doanh nghiệp thiết kế chip được hỗ trợ kinh phí.
42.	Phát triển chuỗi cung ứng và sản xuất thiết bị điện tử nhằm tạo thị trường cho công nghiệp bán dẫn: hỗ trợ sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ đối với các nhiệm vụ, hoạt động sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và nhiệm vụ, hoạt động sản xuất thiết bị điện tử thông qua các nhiệm vụ, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; Bộ Công thương; các bộ, ngành và địa phương; các doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030	Các hoạt động hỗ trợ sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ đối với các nhiệm vụ, hoạt động sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và nhiệm vụ, hoạt động sản xuất thiết bị điện tử thông qua các nhiệm vụ, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được triển khai.
43.	Phát triển và vận hành Trung tâm quốc gia hỗ trợ sản xuất thử chip bán dẫn để hỗ trợ sản xuất thử nghiệm và đo kiểm chip bán dẫn thông qua các hoạt động: hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thiết kế chip bán dẫn thông qua việc cung cấp	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2030	- Năm 2026: hình thành Trung tâm quốc gia hỗ trợ sản xuất thử chip bán dẫn; sản xuất thử tối thiểu 5.000 chip.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
	các phần mềm công cụ thiết kế EDA, thư viện phần mềm thiết kế chip IP theo phương thức dùng chung; hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm (Tape-out) tại các nhà máy cho các thiết kế chip bán dẫn của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước; và thực hiện đo kiểm, đánh giá chất lượng, độ tin cậy của chip (Post-silicon validation) tại Trung tâm hoặc các phòng thí nghiệm đạt chuẩn.				- Năm 2027 - 2030: hỗ trợ sản xuất thử ít nhất 8.000 chip mỗi năm.